

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương.

2. Bà Bùi Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số 965A, tổ 5, ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà X đối với vấn đề “Tranh chấp tài sản chung khi ly hôn”: Chị Kim Cẩm T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà 41, đường TC, khu phố NL, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 19-11-2021). Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số 965A, tổ 5, ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1955; Địa chỉ cư trú: Ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim X trình bày:

Bà và ông C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2000 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố TN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, khoảng 10 năm trở lại đây ông C hay nhậu nhẹt, về nhà đập phá đồ đạc, chửi mắng, đòi chém giết mẹ con bà nên bà đã ra ngoài ở riêng, sống ly thân với ông C từ năm 2021 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 03-01-2001 đã thành niên; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 23-4-2004. Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thùy D, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Tấn P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định các con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tài sản chung quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền trên thửa đất 719, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có nguồn gốc là do cha mẹ ruột ông C cho vợ chồng bà, riêng căn nhà là do vợ chồng bà xây dựng. Do vậy bà chấp nhận giao tài sản, nhà, đất cho ông C trực tiếp quản lý, sử dụng, ông C được hưởng 60% giá trị tài sản chung, ông C phải trả cho bà tiền chênh lệch 40% giá trị tài sản chung vợ chồng khi chia.

Về nợ chung: Ngày 13-7-2021 ông bà có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh – Phòng giao dịch khu vực phường 3 số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng 5700LAV2012104333; thời hạn cho vay 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13-7-2023. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy H00719/TT do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh cấp ngày 02-6-2006 cho bà X, ông C đứng tên chủ sử dụng thửa đất 719, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 24-3-2022 ông bà đã tất toán nợ xong, ông C đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay vợ chồng bà có nợ số tiền 40.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc H (cha ruột của bà X). Bà yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung theo quy định pháp luật, ông C và bà mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cho ông H.

Chị Kim Cẩm T - người đại diện theo ủy quyền của bà X về nội dung “Tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà X về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Bà X đồng ý giao quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất 719 cho ông C trực tiếp quản lý, sử dụng, ông C được hưởng 60% giá trị tài sản, yêu cầu ông C giao lại cho bà X số tiền chênh lệch 40% khi chia giá trị tài sản chung vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 07-01-2022 bị đơn ông Nguyễn Tấn C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà X về thời gian chung sống, kết hôn của vợ chồng. Khoảng 3-4 năm trở lại đây ông thường xuyên ăn nhậu, đập phá đồ đạc, chửi mắng bà X, thời gian gần đây ông có tức giận yêu cầu bà X ra khỏi nhà, kể từ đó bà X sống ly thân với ông. Do vẫn còn thương yêu vợ con nên ông không đồng ý ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 03-01-2001 đã thành niên tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 23-4-2004 đang chung sống với bà X. Trường hợp ly hôn ông đồng ý cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tọa lạc tại ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc là do cha mẹ ruột của ông tặng cho vợ chồng. Ông không đồng ý chia tài sản chung, có nguyện vọng được để lại nhà, đất cho các con.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch phường 3 số tiền 50.000.000 đồng; vay của ông Nguyễn Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Ông H là cha ruột của bà X, ngày 09-10-2018 vợ chồng ông C, bà X có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Nay bà X và ông C ly hôn, ông H có yêu cầu độc lập buộc vợ chồng ông C, bà X phải trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành pháp luật và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 27, 29, 33, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông C. Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Tấn C.

Về con chung: Con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 03-01-2001; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 03-4-2004 đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà X. Bà X đồng ý giao nhà, đất, tài sản gắn liền trên thửa đất 719, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho ông C quản lý, sở hữu, sử dụng ông C được hưởng 60% giá trị tài sản chung vợ, còn bà X được nhận tiền chênh lệch hưởng 40% giá trị tài sản chung.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Tấn C. Buộc bà X và ông C có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay 40.000.000 đồng.

Đương phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Kim X yêu cầu được ly hôn, chia tài sản chung, giải quyết nợ chung đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn C có địa chỉ cư trú tại xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Do vậy vụ án có quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt ông C, ông H.

Do ông C, bà X đã tắt toán nợ xong cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch khu vực phường 3 vào ngày 24-3-2022 nên căn cứ khoản 1 Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn ông thường xuyên ăn nhậu, đập phá đồ đạc, chửi mắng bà X, ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Ông C không đồng ý ly hôn với bà X nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà X và ông C đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho bà X ly hôn với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 03-01-2001; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 23-4-2004. Tại phiên tòa bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định các con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải

quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà X yêu cầu được chia tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 719, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất. Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc phần đất này do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Q (cha mẹ ruột của ông C) tặng cho vợ chồng ông C, bà X. Ngày 02-6-2006 Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00719/TT cho ông Nguyễn Tấn C, bà Nguyễn Kim X đứng tên chủ sử dụng đất nên có căn cứ xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00719/TT, phần đất có diện tích 308m² (trong đó đất ở nông thôn 50m²; đất trồng cây hàng năm: 258m²). Theo kết quả đo đạc ngày 10-5-2022 và biên bản định giá ngày 24-5-2022 thì diện tích đo đạc thực tế là 310,2m² có giá trị là 5.227.000 đồng/m² x 310,2m² = 1.621.415.400 đồng.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4, cửa sắt kính, tường gạch không tô, mái tole lợp cây, không trần gồm 02 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 phòng vệ sinh, 01 nhà tắm có giá trị 165.765.600 đồng;

+ 01 mái che tiền chế phía trước nhà có giá trị: 7.624.100 đồng;

+ 01 bụi chuối, 01 cây phát tài, 03 cây mai, 01 cây lộc vùng, 01 cây ôi, 01 cây bông trang có giá trị 1.680.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là: 1.796.485.100 đồng (*làm tròn số thành 1.796.485.000 đồng*).

Bà X và ông C đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 719 là do cha mẹ ông C tặng cho do đó khi xem xét chia tài sản cần chia cho ông C hưởng phần nhiều hơn. Mặt khác bà X đồng ý giao cho ông C quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản chung, ông C được hưởng 60% giá trị tài sản chung, bà đồng ý nhận 40% giá trị tài sản chung bằng tiền. Vì vậy chia cho bà X 40% giá trị tài sản chung tương đương với số tiền 718.594.000 đồng; chia cho ông C 60% giá trị tài sản tương đương với số tiền 1.077.891.000 đồng là phù hợp. Do giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng thửa đất 719 và tài sản gắn liền trên đất cho ông C quản lý, sở hữu, sử dụng nên buộc ông C có nghĩa vụ giao lại cho bà Xoa số tiền chênh lệch bà được hưởng là: 718.594.000 (*Bảy trăm mười tám triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn*) đồng khi chia tài sản chung.

[2.3] Về nợ chung:

Tại Công văn số 73/NHNo-PGDP3 ngày 19-4-2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh – Phòng giao dịch khu vực phường 3 xác nhận bà X và ông C đã tắt toán nợ vay, không còn nợ Ngân hàng. Bà X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông C đều xác định có nợ chung số tiền 40.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc H, ông H không yêu cầu tính lãi, do vậy Hội

đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông H trong vụ án này, cần buộc ông C và bà X có nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng cho ông H, trong đó bà X và ông C mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 20.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Xoa.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tài sản tại chỗ là 11.145.000 đồng, trong đó bà X phải chịu là: $11.145.000 \text{ đồng} \times 40\% = 4.458.000 \text{ đồng}$; ông C phải chịu là $11.145.000 \text{ đồng} \times 60\% = 6.687.000 \text{ đồng}$.

Do bà X đã nộp 11.145.000 đồng tạm ứng chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tài sản tại chỗ nên cần buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền 6.687.000 đồng. Ghi nhận bà X đã nộp xong chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tài sản.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Bà X phải chịu các khoản tiền án phí như sau:

+ Án phí ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng;

+ Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp sản chung vợ chồng sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ chung: $(718.594.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng})$ là: $698.594.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (698.594.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 31.943.760 \text{ đồng}$;

+ Án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung: $20.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà X phải chịu 33.243.760 đồng tiền án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 15.200.000 đồng theo biên lai thu số 0000678 ngày 03-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, bà X còn phải nộp số tiền 18.043.760 đồng án phí.

- Ông C phải chịu các khoản tiền án phí như sau:

+ Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp sản chung vợ chồng sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ chung: $(1.077.891.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng})$ là $1.057.891.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.057.891.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 43.736.730 \text{ đồng}$.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung: $20.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng ông C phải chịu 44.736.730 đồng tiền án phí.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 29, 33, 51, 56, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim X về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Tấn C.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Tấn C.

1.2. Về con chung: Bà X và ông C có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 03-01-2001; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 23-4-2004 đã thành niên, nên không đặt ra giải quyết.

1.3. Về phân chia tài sản chung:

Giao cho ông Nguyễn Tấn C được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng, toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 719, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại ấp TĐ, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh gồm: Phần đất có diện tích 308m² trong đó (đất ở nông thôn 50m²; đất trồng cây hàng năm: 258m²), đo đạc thực tế có diện tích là 310,2m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00719/TT do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-6-2006 cho bà Nguyễn Kim X và ông Nguyễn Tấn C đứng tên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là: 01 căn nhà cấp 4, cửa sắt kính, tường gạch không tô, mái tole lợp cây, không trần gồm 02 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 phòng vệ sinh, 01 nhà tắm; 01 mái che tiền chế phía trước nhà; 01 bụi chuối, 01 cây phát tài, 03 cây mai, 01 cây lộc vùng, 01 cây ôi, 01 cây bông trang. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 1.796.485.000 (*Một tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng.

Ông Nguyễn Tấn C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Tấn C có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Kim X số tiền bà X được hưởng chênh lệch khi chia tài sản chung là 718.594.000 đồng (*Bảy trăm mười tám triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn*) đồng.

1.4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Ngọc H. Buộc ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Kim X có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền nợ gốc 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, trong đó buộc ông C và bà X mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng cho ông Hưng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Kim X phải chịu số tiền 4.458.000 (*Bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn*) đồng chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, ghi nhận bà đã nộp xong.

Ông Nguyễn Tấn C phải chịu 6.687.000 (*Sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Buộc ông Nguyễn Tấn C có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Kim X số tiền 6.687.000 (*Sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Kim X phải chịu 33.243.760 (*Ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi*) đồng tiền án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.200.000 (*Mười lăm triệu hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0000678 ngày 03-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà X còn phải nộp số tiền 18.043.760 (*Mười tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi*) đồng án phí.

+ Ông Nguyễn Tấn C phải chịu số tiền 44.736.730 (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND xã Thạnh Tân, TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên